

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA
VỀ KIỂM DỊCH Y TẾ BIÊN GIỚI

Trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và bình đẳng giữa hai nước, nhằm thực hiện tốt công tác kiểm dịch y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc qua lại biên giới, bảo vệ sức khỏe nhân dân, phòng ngừa dịch bệnh lan truyền từ nước này qua nước khác, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là “hai Bên”) đã thỏa thuận như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Hiệp định này quy định việc kiểm tra, phát hiện và xử lý các bệnh truyền nhiễm lan truyền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Điều 2

Tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên, ngoài việc chấp hành đúng các quy định tại Hiệp định này và các quy định của Điều lệ Y tế quốc tế hiện hành còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm dịch y tế của mỗi nước. Trong khi xử lý các vụ việc liên quan đến kiểm dịch y tế của hai Bên mà có sự khác nhau giữa các quy định của pháp luật về kiểm dịch y tế của mỗi nước với Điều lệ Y tế quốc tế hiện hành và các quy định trong Hiệp định này thì áp dụng Điều lệ Y tế quốc tế hiện hành và Hiệp định này.

Điều 3

Trên cơ sở các quy định của Hiệp định này, tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên có thể căn cứ vào tình hình các bệnh truyền nhiễm phát sinh ở mỗi nước và ở khu vực biên giới để cùng trao đổi, thống nhất áp dụng các biện pháp kiểm dịch y tế.

Điều 4

Các bệnh truyền nhiễm, các giấy khai báo, giấy chứng nhận kiểm dịch y tế và phương thức khai báo, chứng nhận kiểm dịch y tế đối với người, phương tiện vận tải,

hàng hóa, bưu phẩm, thi thể, hài cốt, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người, máu và các chế phẩm từ máu được quy định trong Hiệp định này do Bộ Y tế nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổng cục giám sát chất lượng, kiểm nghiệm và kiểm dịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa cùng thống nhất quy định và sửa đổi căn cứ theo Điều lệ Y tế quốc tế hiện hành và tình hình bệnh truyền nhiễm nguy hiểm hiện có ở hai nước.

Điều 5

Căn cứ theo pháp luật về kiểm dịch y tế của mỗi nước và phù hợp với Điều lệ Y tế quốc tế hiện hành, hai Bên thống nhất qui định đối tượng kiểm dịch y tế là người, phương tiện vận tải, hàng hóa, hành lý, công ten nơ, bưu kiện, thi thể, hài cốt, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người, máu và các chế phẩm từ máu xuất cảnh, nhập cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.

Điều 6

Địa điểm kiểm dịch y tế là các cửa khẩu biên giới chung giữa hai nước và các cửa khẩu cảng biển, cửa khẩu cảng hàng không quốc tế.

Chương II BIỆN PHÁP KIỂM DỊCH Y TẾ VÀ GIÁM SÁT BỆNH TRUYỀN NHIỄM TẠI KHU VỰC CỬA KHẨU

Điều 7

Kiểm dịch y tế đối với người:

1. Người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh phải khai báo y tế cho tổ chức kiểm dịch y tế tại cửa khẩu. Trường hợp là cư dân địa phương dọc biên giới thì chỉ cần khai báo y tế khi có dịch bệnh quy định tại Hiệp định này xảy ra ở các địa phương dọc biên giới hai nước.

2. Tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên thực hiện việc kiểm tra y tế đối với người mắc bệnh, người bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm, người đến từ vùng có dịch bệnh truyền nhiễm, người tiếp xúc với người mắc bệnh hoặc người bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm, người đi chung phương tiện với người mắc bệnh hoặc người bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm.

3. Tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên thực hiện hoặc giám sát việc thực hiện các biện pháp y tế được quy định trong Điều lệ Y tế quốc tế hiện hành đối với người mắc bệnh hoặc nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm, người tiếp xúc và người mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

Điều 8

Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải:

1. Chủ phương tiện vận tải nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh phải khai báo y tế phương tiện vận tải cho tổ chức kiểm dịch y tế.

2. Tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên kiểm tra giấy khai báo y tế, giấy chứng nhận xử lý y tế đối với các phương tiện vận tải khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh; tiến hành kiểm tra đối với phương tiện vận tải xuất phát hoặc đi qua vùng có bệnh truyền nhiễm, phương tiện vận tải chở người mắc bệnh hoặc nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm, phương tiện vận tải mang trung gian truyền bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

3. Tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên tiến hành xử lý y tế đối với phương tiện vận tải chở người mắc bệnh, người bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm; phương tiện vận tải mang trung gian truyền bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

Điều 9

Kiểm dịch y tế đối với hàng hoá:

1. Chủ hàng hóa hoặc người được uỷ quyền phải khai báo y tế đối với hàng hóa khi nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh.

2. Tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên chỉ kiểm tra y tế đối với hàng hóa xuất phát hoặc đi qua vùng có bệnh truyền nhiễm, hàng hóa bị nghi ngờ mang trung gian truyền bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

3. Đối với hàng hoá có bằng chứng rõ ràng, đã qua xử lý y tế mà vẫn không diệt được trung gian truyền bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, thì bắt buộc tiêu hủy hoặc không cho xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 10

Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt:

1. Tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên tiến hành kiểm tra y tế đối với thi thể, hài cốt nhập cảnh, xuất cảnh; kiểm tra giấy chứng tử, giấy chứng nhận kiểm dịch y tế của nước xuất phát.

2. Kiểm tra việc xử lý và bảo quản thi thể, hài cốt. Nếu thi thể, hài cốt được xử lý và bảo quản theo quy định thì tổ chức kiểm dịch y tế cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế và cho thông qua. Nếu thi thể, hài cốt không được xử lý và bảo quản theo qui định, thì tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên thực hiện hoặc hướng dẫn người chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng qui định trước khi cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế.

Điều 11

Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người, máu và các chế phẩm từ máu:

1. Mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người, máu và các chế phẩm từ máu khi xuất khẩu, nhập khẩu phải có sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên từ trước.

2. Khi các mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người, máu và các chế phẩm từ máu xuất cảnh, nhập cảnh, tổ chức kiểm dịch y tế tiến hành kiểm tra thực tế, đối chiếu tên, số lô, quy cách, số lượng, nhà sản xuất và bao bì của sản phẩm đặc biệt, sau khi kiểm tra đạt tiêu chuẩn, tổ chức kiểm dịch y tế cấp giấy

chứng nhận kiểm dịch y tế, cho thông qua. Những trường hợp kiểm tra không đạt tiêu chuẩn, tiến hành xử lý y tế theo quy định của mỗi Bên.

Điều 12

Tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên đều chấp nhận các chứng nhận liên quan đến kiểm dịch y tế do bên kia cấp, bao gồm chứng nhận kiểm tra, xử lý y tế theo Điều lệ Y tế quốc tế hiện hành và theo quy định của luật pháp mỗi nước, không kiểm tra lại các hạng mục tương ứng, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng cho thấy kiểm tra y tế hoặc xử lý y tế của bên kia không đạt kết quả, mới tiến hành kiểm tra, xử lý y tế lại và thông báo cho nhau biết.

Điều 13

1. Tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên thực hiện việc kiểm tra giám sát bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm và tác nhân gây bệnh truyền nhiễm đối với phương tiện vận tải tại cửa khẩu; giám sát điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, chế biến, phục vụ ăn uống, cơ sở cung cấp thực phẩm tại khu vực cửa khẩu; giám sát việc loại bỏ và xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải của người hoặc động vật, nước dẫn tàu, thực phẩm phục vụ tại cửa khẩu không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và các chất bị ô nhiễm khác trên phương tiện vận tải và ở khu vực cửa khẩu.

2. Khi xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra bệnh truyền nhiễm quy định tại Hiệp định này tại khu vực cửa khẩu, tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên phải thực hiện phòng bệnh cho người xuất cảnh, nhập cảnh và người dân ở khu vực cửa khẩu, diệt véc tơ, vật chủ truyền bệnh, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, tẩy uế môi trường khu vực cửa khẩu; thực hiện hoặc hướng dẫn thực hiện việc xử lý nước, thực phẩm bị ô nhiễm; chất thải của người hoặc động vật, nước thải sinh hoạt, nước dẫn tàu và các chất bị ô nhiễm khác trên phương tiện vận tải ở khu vực cửa khẩu; cách ly và đưa người mắc bệnh hoặc nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm đến cơ sở điều trị quy định.

Điều 14

Ngoài biện pháp kiểm dịch y tế được quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11 và 13 của Hiệp định này, khi cần thiết, tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên có thể căn cứ theo Hiệp định này tiến hành triển khai công tác kiểm dịch y tế tại các chợ, các điểm buôn bán dọc biên giới.

Chương III HỢP TÁC KỸ THUẬT

Điều 15

Trên cơ sở các quy định của Hiệp định này, tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên đặt ra cơ quan đầu mối phụ trách liên hệ, thường xuyên trao đổi thông tin liên quan tới công tác kiểm dịch y tế, gồm cả các văn bản pháp luật hiện hành hoặc mới ban hành; trao đổi thông tin về tình hình bệnh truyền nhiễm của mỗi nước theo quy định pháp luật của mỗi nước và Điều lệ Y tế quốc tế hiện hành. Khi phát hiện các bệnh truyền nhiễm mới phát sinh, tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên phải kịp thời

thông báo cho nhau tình hình dịch bệnh và biện pháp áp dụng để phòng chống dịch bệnh.

Điều 16

Hội nghị kiểm dịch y tế do hai Bên tổ chức luân phiên mỗi năm một lần, kinh phí tổ chức Hội nghị sẽ do bên tổ chức đài thọ, kinh phí của đại biểu do bên cử người đài thọ. Hội nghị sẽ do trưởng đoàn đại biểu bên triệu tập chủ trì và trưởng đoàn hai bên ký “Biên bản ghi nhớ Hội nghị Kiểm dịch y tế”. Hai Bên mời Bên kia tham gia các hội thảo quốc tế và khu vực liên quan đến kiểm dịch y tế do nước mình tổ chức. Các tổ chức kiểm dịch y tế tại các cửa khẩu trên nguyên tắc hai tháng họp một lần, căn cứ theo nhu cầu có thể họp bất cứ lúc nào, nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, các cuộc họp do tổ chức kiểm dịch y tế hai bên thương lượng quyết định.

Điều 17

Tổ chức kiểm dịch y tế của hai Bên có thể căn cứ vào nhu cầu công tác, hợp tác khai thác kỹ thuật cùng với dược phẩm và thiết bị sử dụng trong công tác kiểm dịch y tế. Hai Bên có thể trao đổi chuyên gia kiểm dịch y tế, nhân viên kỹ thuật, đào tạo, tham quan học tập để nâng cao trình độ chuyên môn và chất lượng công tác kiểm dịch y tế của nhân viên kiểm dịch y tế.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 18

Để thực hiện Hiệp định này, phía Việt Nam chỉ định Bộ Y tế Việt Nam và phía Trung Quốc chỉ định Tổng cục Giám sát, Kiểm nghiệm Kiểm dịch Nhà nước Trung Quốc là cơ quan thực thi Hiệp định.

Điều 19

Mọi bất đồng giữa hai Bên liên quan đến việc giải thích và thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua thương lượng hoặc biện pháp hòa bình khác.

Điều 20

Hiệp định này thay thế Hiệp định kiểm dịch y tế biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 10 tháng 11 năm 1992 và Nghị định thư bổ sung, sửa đổi Hiệp định kiểm dịch y tế biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 07 tháng 10 năm 2004.

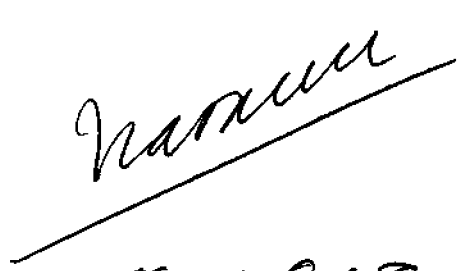
Điều 21

Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị là năm (05) năm. Hiệp định này sẽ được mặc nhiên gia hạn năm (05) năm tiếp, nếu sáu (06) tháng trước ngày Hiệp định hết hiệu lực mà không Bên nào thông báo cho Bên kia bằng văn bản thông qua con đường ngoại giao ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định. Trong quá

trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung theo sự thỏa thuận của các Bên.

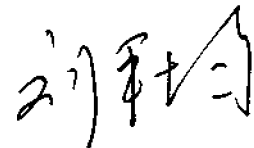
Làm tại Bắc Kinh ngày 22 tháng 10 năm 2008 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



Nguyễn Quốc Triệu
Bộ trưởng Bộ Y tế
Việt Nam

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA



Lưu Đình Quân
Phó Tổng Cục trưởng,
Tổng Cục Giám sát,
Kiểm nghiệm Kiểm dịch
Nhà nước Trung Quốc